



NHẬN THỨC VỀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ KHOA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HCM

*Nguyễn Thị Tír**

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-11-2016; ngày phản biện đánh giá: 10-11-2016; ngày chấp nhận đăng: 06-01-2017

TÓM TẮT

Bài viết phân tích nhận thức của sinh viên (SV) về tầm quan trọng của việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) cho SV một số khoa tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy SV một số khoa tại Trường ĐHSP TPHCM đánh giá khá tích cực về tầm quan trọng của việc rèn luyện NVSP.

Từ khóa: rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, sinh viên.

ABSTRACT

Students' perception of the importance of pedagogical professional training in Ho Chi Minh City University of Education

The article analyzes the students' perception of the importance of pedagogical professional training in Ho Chi Minh City University of Education. Results of the study found that a number of students in several departments in Ho Chi Minh City University of Education positively appreciate the importance of pedagogical professional training.

Keywords: pedagogical training, student.

1. Đặt vấn đề

Tay nghề là một trong những yếu tố làm tăng hiệu quả hoạt động trong một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định. Vấn đề này càng trở nên quan trọng đối với lĩnh vực đào tạo giáo viên (GV) ở trường sư phạm. Trong quá trình đào tạo, SV không những được trang bị kiến thức lí luận về khoa học giáo dục nói chung và khoa học chuyên ngành nói riêng mà còn được thực hành rèn luyện kĩ năng (KN) NVSP. Chất lượng của quá trình đào tạo phụ thuộc không nhỏ vào kết quả của việc thực hành rèn luyện KN NVSP cho SV trong thời gian học tập...

“Học chữ – Học làm thầy – Học làm người” là 3 nhiệm vụ cốt lõi của SV trong trường sư phạm. Sự kết hợp nhuần nhuyễn, đan xen giữa các nhiệm vụ đó sẽ giúp SV có được sự phát triển toàn diện trong quá trình phấn đấu trở thành GV. Rèn luyện NVSP (RLNVSP) là một bộ phận nòng cốt trong quá trình rèn luyện tay nghề cho SV, mang tính chất thường xuyên, liên tục mọi lúc mọi nơi. Thực tế, SV trường sư phạm đã nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của việc RLNVSP? Đáp án của câu hỏi này sẽ là cơ sở để nâng cao hiệu quả của hoạt động RLNVSP cho SV.

* Khoa Tâm lí học - Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: tuspsg@yahoo.com

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Khách thể khảo sát chính của đề tài bao gồm 234 SV được khảo sát trên 5 khoa của Trường ĐHSP TPHCM. Trong đó, khoa Giáo dục Tiểu học với 68 SV (chiếm 29,1%), Khoa Toán – Tin học với 40 SV (chiếm 17,1%), Khoa Ngữ văn với 46 SV (chiếm 19,7%), Khoa Lịch sử với 40 SV (chiếm 17,1%) và Khoa Vật lí có 40 SV (chiếm 17,1%).

Đề tài sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính, các phương pháp nghiên cứu còn lại là các phương pháp bổ trợ.

Các câu hỏi đều được đánh giá trên thang điểm 5. Với câu hỏi có 5 mức độ, được quy điểm từ 1 đến 5 theo chiều từ rất cần thiết, khá cần thiết, bình thường, ít cần thiết và không cần thiết. Trên cơ sở này, điểm trung bình (ĐTB) được quy ra thành các mức độ như ở Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Cách quy điểm từng câu trong bảng hỏi chính thức

Điểm trung bình	Mức độ
4,51 - 5,0	Không cần thiết
3,51 - 4,5	Ít cần thiết
2,51 - 3,5	Bình thường
1,50 - 2,5	Khá cần thiết
1,00 - 1,49	Rất cần thiết

2.2. Kết quả nghiên cứu nhận thức của SV một số khoa tại Trường ĐHSP TPHCM về tầm quan trọng của việc RLNVSP

2.2.1. Nhận thức của SV một số khoa tại Trường ĐHSP TPHCM về tầm quan trọng của các nội dung RLNVSP (xem Bảng 2)

Bảng 2. Nhận thức về sự cần thiết của các nội dung RLNVSP

Nội dung	Mức độ cần thiết (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Bình thường	Ít cần thiết	Không cần thiết		
Các kiến thức về quản lí nhà nước, quản lí ngành	37,2	50,0	10,7	2,1	0,0	1,78	7
Kiến thức chuyên ngành	66,7	33,3	0,0	0,0	0,0	1,33	3
Kiến thức Tâm lí học	44,4	55,6	0,0	0,0	0,0	1,56	5
Kiến thức Giáo dục học	22,5	55,6	22,2	0,0	0,0	2,00	8
Kiến thức các phương pháp giáo dục bộ môn	44,4	55,6	0,0	0,0	0,0	1,56	5
Thực hành giáo dục tại các trường phổ thông	44,4	44,4	11,1	0,0	0,0	1,67	6
KN hoạch định, xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục	44,4	44,4	11,1	0,0	0,0	1,67	6

KN soạn giáo án	77,8	22,2	0,0	0,0	0,0	1,22	1
KN lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học, giáo dục	55,6	44,4	0,0	0,0	0,0	1,44	4
KN viết bảng	44,4	44,4	11,1	0,0	0,0	1,67	6
KN sử dụng biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh...	75,2	24,8	0,0	0,0	0,0	1,25	2
KN diễn đạt, thể hiện giáo án	55,6	44,4	0,0	0,0	0,0	1,44	4
KN sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học	44,4	44,4	11,1	0,0	0,0	1,67	6
KN kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	44,4	55,6	0,0	0,0	0,0	1,56	5
KN giao tiếp bằng ngôn ngữ (với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh học sinh)	55,6	44,4	0,0	0,0	0,0	1,44	4
KN giải quyết các tình huống sư phạm	66,7	22,2	11,1	0,0	0,0	1,44	4
KN tự học, tự nghiên cứu khoa học, giáo dục	33,3	55,6	11,1	0,0	0,0	1,78	7
KN tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh	33,3	55,6	11,1	0,0	0,0	1,78	7
KN tổ chức hoạt động tập thể, vui chơi,	44,4	55,6	0,0	0,0	0,0	1,56	5
KN phối hợp các lực lượng giáo dục	66,7	22,2	0,0	0,0	0,0	1,44	4

Bảng 2 cho thấy những kết quả đạt được khá thú vị. Tất cả 20 nội dung được liệt kê trong hoạt động RLNVSP đều được SV đánh giá ở mức độ từ khá cần thiết đến cần thiết (ĐTB từ 1,22 đến 2,0). Trong số đó, có 8 nội dung được đánh giá ở mức độ rất cần thiết: KN soạn giáo án (ĐTB = 1,22); KN sử dụng biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh... (ĐTB = 1,25); Kiến thức chuyên ngành (ĐTB = 1,33); KN lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học, giáo dục (ĐTB = 1,44); KN giải quyết các tình huống sư phạm (ĐTB = 1,44); KN phối hợp các lực lượng giáo dục (ĐTB = 1,44); KN diễn đạt, thể hiện giáo án (ĐTB = 1,44); KN giao tiếp bằng ngôn ngữ (với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh học sinh) (ĐTB = 1,44).

Xếp ở vị trí đầu tiên được SV đánh giá ở mức độ rất cần thiết là KN soạn giáo án (ĐTB = 1,22), tỉ lệ chọn ở mức độ rất cần thiết và khá cần thiết là 100%, không có SV nào lựa chọn ở mức độ bình thường trở xuống. Đây là một kết quả rất đáng mừng. Giáo án là một yếu tố quan trọng để đảm bảo chất lượng dạy học ở nhà trường. Tuy giáo án chưa phải là nhân tố chính để đánh giá chất lượng giờ dạy, vì từ giáo án đến giờ dạy thực thụ còn có khoảng cách khá xa, nhưng không thể phủ nhận giáo án tốt sẽ góp phần lớn vào sự thành công của giờ dạy, nó đảm bảo cho giờ dạy không rơi vào sự tùy tiện, ngẫu hứng. Vì vậy, KN soạn giáo án là KN quan trọng mà mỗi SV cần rèn luyện. Đây cũng là việc làm

thường xuyên trong quá trình dạy học của một giáo viên. Điều này là nguyên nhân lí giải vì sao SV đánh giá rất cao mức độ cần thiết phải rèn luyện KN này trong thực tiễn.

Xếp ở vị trí thứ hai là KN sử dụng biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh (ĐTB = 1,25), 100% SV chọn ở mức độ rất cần thiết và khá cần thiết. Trước đây, theo quan niệm dạy học truyền thống, một giờ dạy học được xem như là một buổi “biểu diễn nghệ thuật” của giáo viên. Chính vì vậy, vai trò chủ thể của học sinh còn chưa được phát huy, bên cạnh đó, các đồ dùng dạy học minh họa cho bài học còn hạn chế. Học sinh là người bị động tiếp thu kiến thức còn giáo viên đóng vai trò chủ thể của hoạt động dạy - học với nhiệm vụ là truyền thụ kiến thức. Hiện nay, với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học thì vai trò chủ thể của học sinh đã được phát huy, việc vận dụng các phương tiện và đồ dùng dạy học đã được chú trọng. Trong đó, việc sử dụng hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ... đặc biệt quan trọng. Những hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ đa dạng vừa có thể giúp học sinh, SV tiếp cận tri thức một cách rõ ràng, dễ hiểu đồng thời có thể khơi dậy hứng thú học tập cho học sinh, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, linh hoạt tri thức. Đặc biệt, với sự hỗ trợ của các phần mềm, giáo viên có thể thiết kế các bài giảng điện tử với các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ một cách phong phú, sinh động, làm cho bài học trở nên hấp dẫn hơn rất nhiều. Kết quả nghiên cứu này cho thấy SV sư phạm đã nhận thức được tầm quan trọng của KN này trong quá trình dạy học.

Đây có thể được xem là một dấu hiệu đáng mừng khi yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học ngày càng trở nên cấp bách.

Cùng được đánh giá ở mức độ rất cần thiết và xếp ở vị trí lần lượt từ thứ 3 đến thứ 8 là các nội dung: Kiến thức chuyên ngành (ĐTB = 1,33); KN lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học, giáo dục (ĐTB = 1,44); KN giải quyết các tình huống sư phạm (ĐTB = 1,44); KN phối hợp các lực lượng giáo dục (ĐTB = 1,44); KN diễn đạt, thể hiện giáo án (ĐTB = 1,44); KN giao tiếp bằng ngôn ngữ (với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh học sinh) (ĐTB = 1,44). Có thể nói đây đều là những tri thức, KN quan trọng cần được rèn luyện từ sớm để giúp giáo viên có thể thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

Các nội dung còn lại (12 nội dung) tuy xếp ở các thứ hạng khác nhau nhưng đều được đánh giá ở mức độ khá cần thiết, cụ thể là: KN kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh (ĐTB = 1,56); KN tổ chức hoạt động tập thể, vui chơi (ĐTB = 1,56); Kiến thức các phương pháp giáo dục bộ môn (ĐTB = 1,56); Kiến thức tâm lí học (ĐTB = 1,56); Thực hành giáo dục tại các trường phổ thông (ĐTB = 1,67); KN hoạch định, xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục (ĐTB = 1,67); KN viết bảng (ĐTB = 1,67); KN sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học (ĐTB = 1,67); KN tự học, tự nghiên cứu khoa học, giáo dục (ĐTB = 1,78); KN tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh (ĐTB = 1,78); Các kiến thức về quản lí nhà nước, quản lí ngành (ĐTB = 1,78); Kiến thức giáo dục

học (ĐTB = 2,0).

Như vậy, tất cả các nội dung RLNVSP mà nhóm nghiên cứu đề xuất đều được SV đánh giá ở mức độ từ khá cần thiết đến cần thiết. Điều này chứng tỏ SV đã nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động RLNVSP một cách khá tích cực.

2.2.2. Nhận thức của SV một số khoa tại Trường ĐHSP TPHCM về tầm quan trọng của việc tổ chức các hình thức RLNVSP (xem Bảng 3)

Quá trình hình thành các KN sư phạm là một quá trình lâu dài và cần phải được thực hiện thường xuyên, liên tục. Chính vì vậy, hình thức tổ chức RLNVSP cho SV không chỉ dừng lại ở học phần

RLNVSP thường xuyên hay các môn phương pháp dạy học mà còn phải được tổ chức qua nhiều các hình thức khác nhau. Hiện nay, Trường ĐHSP TPHCM chú trọng rèn luyện NVSP cho SV thông qua 5 hình thức cơ bản: Rèn luyện qua quá trình học tập các học phần (bao gồm cả các học phần phương pháp dạy học hay Lí luận dạy học bộ môn); Rèn luyện qua học phần RLNVSP thường xuyên; Tổ chức các hội thi NVSP, thi giáo án điện tử...; Thực hành tại các trường phổ thông; Rèn luyện qua các đợt thực tập sư phạm. Mỗi hình thức này được SV nhận thức mức độ cần thiết ở các giá trị khác nhau. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Nhận thức về sự cần thiết tổ chức các hình thức RLNVSP

Nội dung	Mức độ thực hiện (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Bình thường	Ít cần thiết	Không cần thiết		
Rèn luyện qua quá trình học tập các môn học	12,8	41,0	37,6	6,4	2,1	2,82	5
Rèn luyện qua học phần RLNVSP thường xuyên	6,4	30,3	37,6	25,6	0,0	2,44	3
Tổ chức các hội thi NVSP, thi giáo án điện tử...	17,1	23,9	41,9	17,1	0,0	2,59	4
Thực hành tại các trường phổ thông	54,7	45,3	0,0	0,0	0,0	1,45	1
Rèn luyện qua các đợt thực tập sư phạm	52,6	47,4	0,0	0,0	0,0	1,47	2

Bảng 3 cho thấy trong số 5 hình thức được liệt kê, có 2 hình thức tổ chức được SV đánh giá ở mức độ rất cần thiết và lần lượt xếp ở hai vị trí đầu tiên là: Thực hành tại các trường phổ thông (ĐTB = 1,45) và Rèn luyện qua các đợt thực tập sư phạm (ĐTB = 1,47). Cụ thể, xếp ở vị trí đầu tiên là hình thức thực hành tại các trường phổ

thông (ĐTB = 1,45), 100% SV lựa chọn ở mức độ rất cần thiết và cần thiết. Mục tiêu đào tạo của trường sư phạm là các SV (các giáo viên tương lai) có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình trong trường phổ thông. Trong khi đó, thực tế cho thấy có sự chênh lệch nhất định giữa quá trình đào tạo ở trường đại học và thực tiễn công tác tại

trường phổ thông, chính vì vậy việc cho SV thực hành tại các trường phổ thông ngay khi còn ngồi trên ghế trường đại học chính là một trong những hình thức cần thiết để nâng cao năng lực sư phạm cho SV, đồng thời cũng rút ngắn khoảng cách giữa quá trình đào tạo đại học và thực tiễn ở trường phổ thông.

Cùng được đánh giá ở mức độ rất cần thiết, xếp ở vị trí thứ hai là hình thức rèn luyện qua các đợt thực tập sư phạm (ĐTB = 1,47), với tỉ lệ SV lựa chọn ở mức độ rất cần thiết và cần thiết là 100%, không có SV lựa chọn ở mức độ từ bình thường đến không cần thiết. Thực tập sư phạm là hoạt động quan trọng trong quá trình giáo dục ở trường sư phạm. Đây là hoạt động nhằm giúp SV thâm nhập thực tế, vận dụng những kiến thức đã được học ở trường đại học về giảng dạy, quản lý học sinh ở trường phổ thông. Đây là cơ hội giúp SV được cọ xát với thực tế nghề nghiệp, giúp các em củng cố, mở rộng những tri thức, KN đã được tích lũy; hình thành và phát triển những tri thức, KN mới theo yêu cầu của trường phổ thông, nâng cao hứng thú, tình cảm, trách nhiệm đối với nghề.

Xếp ở vị trí thứ ba, được SV đánh giá ở mức độ khá cần thiết là hình thức Rèn luyện qua học phần RLNVSPTX (ĐTB = 2,44), tỉ lệ 36,7% SV lựa chọn ở mức độ rất cần thiết và cần thiết. Học phần RLNVSP thường xuyên được Trường ĐHSP TPHCM cũng như các trường sư phạm khác đưa vào giảng dạy trong một vài năm gần đây. Học phần được tổ chức như một học phần trong hệ thống các môn

học khác nhằm mục đích khắc sâu các kiến thức về NVSP, hình thành hệ thống KN nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn ở trường phổ thông, từ đó hình thành ý thức, tình cảm nghề nghiệp, chuẩn bị cho SV bước vào nghề. Học phần tập trung giúp SV thực hành các KN sư phạm cơ bản, KN tiếp cận giáo dục phổ thông và KN giảng dạy. Có thể nói, bên cạnh học phần Tâm lý học, Giáo dục học cung cấp những kiến thức nền tảng cho hoạt động nghề nghiệp của giáo viên thì học phần RLNVSP thường xuyên chính là cơ hội để SV ứng dụng những kiến thức đó vào quá trình dạy học và giáo dục (mặc dù ở những tình huống “giả định” do giảng viên đưa ra). Ưu điểm của quá trình này là SV có thể rèn luyện dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên - những người được đào tạo và có kinh nghiệm giảng dạy. Chính vì vậy, việc SV đánh giá hình thức này ở mức độ khá cần thiết là một tín hiệu đáng mừng. Tuy vậy, cũng cần chú ý đến một tỉ lệ khá lớn SV (25,6%, chiếm hơn 1/4 mẫu nghiên cứu) cho rằng hình thức này ít cần thiết trong quá trình RLNVSP cho SV. Bởi nếu SV không nhận thức được mức độ cần thiết và tầm quan trọng của hoạt động này thì sẽ ảnh hưởng tới thái độ học tập cũng như kết quả rèn luyện trong học phần này.

Cùng được đánh giá ở mức độ bình thường và xếp ở hai vị trí cuối cùng lần lượt là hai hình thức: Tổ chức các hội thi NVSP, thi giáo án điện tử... (ĐTB = 2,59) và rèn luyện qua quá trình học tập các môn học (ĐTB = 2,82). Hai hình thức này giữ vị trí khá quan trọng trong quá trình RLNVSP

cho SV. Nó tạo cơ hội cho SV được rèn luyện KN nghề nghiệp một cách thường xuyên và liên tục. Ví dụ, KN thuyết trình là KN cơ bản của giáo viên. Để SV có thể thực hiện thành thạo KN này, SV có thể rèn luyện trong việc tham gia các bài thuyết trình ở lớp trong các môn học, trong các cuộc thi NVSP, các cuộc thi hùng biện được tổ chức ở cấp khoa, cấp trường... Tuy nhiên, hai hình thức này lại chưa được SV đánh giá cao về mức độ cần thiết. Điều này có thể xuất phát từ nguyên nhân do các hội thi nhằm rèn luyện NVSP cho SV còn khá nghèo nàn, chưa phong phú, chưa đủ sức lôi cuốn SV tham gia. Bên cạnh đó, các môn học trong trường chưa tạo điều kiện cho SV tham gia thực hành các KN. Đây là vấn đề cần được quan tâm để nâng cao hiệu quả RLNVSP cho SV.

3. Kết luận

Như vậy, có thể nói, SV một số khoa

tại Trường ĐHSPTHCM đã có nhận thức khá tích cực về tầm quan trọng của việc RLNVSP. Những nội dung rèn luyện được đánh giá ở mức độ quan trọng gồm: KN soạn giáo án; KN sử dụng biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh...; Kiến thức chuyên ngành; KN lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học, giáo dục; KN giải quyết các tình huống sư phạm... Bên cạnh đó, một số hình thức rèn luyện cũng được SV đánh giá rất cần thiết, như Thực hành tại các trường phổ thông và Rèn luyện qua các đợt thực tập sư phạm. Thực ra, các nội dung và hình thức rèn luyện này không mới, tuy nhiên vẫn được SV đánh giá rất cần thiết đã chứng tỏ được giá trị của chúng trong việc hình thành KN nghiệp vụ cho SV. Có thể khẳng định SV nhận thức khá đúng đắn về tầm quan trọng của việc RLNVSP trong khảo sát này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Văn Bình (2014), *Xây dựng quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên chuyên ngành Mầm non tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc*, Đề tài NCKH, mã số 30/ĐTKHVP-2014, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.
2. Vũ Thị Bích Ngân (2015), *Biện pháp quản lý hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV ngành Giáo dục Mầm non - hệ cao đẳng, Trường Đại học Đồng Nai*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.
3. Trần Hoài Thanh (2015), “Một số giải pháp đảm bảo chất lượng học phần thực hành nghiệp vụ sư phạm ở khối trường đại học sư phạm”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, số 11(77) năm 2015.
4. Đoàn Trọng Thiệu (2009), *Xây dựng mô hình đào tạo nghiệp vụ sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài KHCN cấp Bộ, mã số B2007.19.20
5. Nguyễn Xuân Thúc (2005), “Sự thích ứng với hoạt động rèn luyện nghiệp vụ của SV Đại học Sư phạm”, *Tạp chí Tâm lý học*, tháng 8 (77), tr. 46-50.
6. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Quy chế thực hành nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên theo học chế tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-ĐHSPT ngày 09/01/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TPHCM)*.